|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 828/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 18 tháng 5 năm 2022 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh tên, mục tiêu, quy mô đầu tư và kinh phí đã bố trí của nhiệm vụ số 17 thuộc Phụ lục 1 Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiền về**

**Chuyển đổi số năm 2022 sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về Chuyển đổi số năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 32/TTr-STTTT ngày 12/5/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh tên, mục tiêu, quy mô đầu tư và kinh phí đã bố trí của nhiệm vụ số 17 thuộc Phụ lục 1 Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiền về Chuyển đổi số năm 2022 sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh như Biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các nội dung, nhiệm vụ khác không điều chỉnh, thực hiện theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |

**PHỤ LỤC**

**Điều chỉnh tên, mục tiêu, quy mô đầu tư và kinh phí đã bố trí của nhiệm vụ số 17 trong Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiền về Chuyển đổi số năm 2022 sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

*(Kèm theo Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*ĐVT: Triệu đồng*

| **Nội dung phê duyệt tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022** | | | | | | | | | | | | **Nội dung điều chỉnh** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S**  **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Mục tiêu, quy mô đầu tư** | **Tổng kinh phí của nhiệm vụ dự án** | **Đơn vị chủ trì** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí năm 2022** | | | | **Ghi chú** | **S**  **TT** | | **Tên nhiệm vụ** | **Mục tiêu, quy mô đầu tư** | **Tổng kinh phí của nhiệm vụ dự án** | **Đơn vị chủ trì** | **Thời gian thực hiện** | **Kinh phí năm 2022** | | | | **Ghi chú** |
| **Kinh phí đã bố trí tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021** | **Kinh phí dự kiến bố trí theo Quyết định 2733/QĐ-UBND ngày 31/12/2021** | **Kinh phí dự kiến bổ sung trong năm 2022** | **Tổng cộng** | **Kinh phí đã bố trí tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 08/12/2021** | **Kinh phí dự kiến bố trí theo Quyết định 2733/QĐ-UBND ngày 31/12/2021** | **Kinh phí dự kiến bổ sung trong năm 2022** | **Tổng cộng** |
|  | **TỔNG CỘNG** | | **73.512** |  |  | **2.750** | **17.854** | **11.500** | **32.104** |  |  | | **TỔNG CỘNG** | | **73.512** |  |  | **2.950** | **17.854** | **11.500** | **32.304** |  |
| **II** | **SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH** | | **67.012** |  |  | **2.750** | **17.854** | **5.000** | **25.604** |  | **II** | | **SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH** | | **67.012** |  |  | **2.950** | **17.854** | **5.000** | **25.804** |  |
| 17 | Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu khoáng sản | Đầu tư hệ thống phần mềm để thu thập, quản lý, giám sát hoạt động khai khoáng sử dụng Tài nguyên khoáng sản ở địa phương | 3.000 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 2022 -2025 | 0 | 700 | 1.200 | 1.900 |  | 17 | | Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa chất và khoáng sản tỉnh Bắc Kạn | Đầu tư hệ thống phần mềm để thu thập, quản lý, giám sát hoạt động khai khoáng; quản lý, sử dụng thông tin địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 3.000 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 2022 -2025 | 200 | 700 | 1.200 | 2.100 |  |